

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **01/2020/QĐST - HNGĐ**

V, ngày 22 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc: Xác định cha cho con**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông **Trần Thành Long**

- Thư ký phiên họp: Bà **Đỗ Thị Thúy**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái tham gia phiên họp: Bà **Nguyễn Thị Thu Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 256/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc “Xác định cha cho con” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số **24/2020/QĐST-HNGĐ** ngày 10 tháng 12 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị **Lò Thị L**, sinh năm 1997; Địa chỉ: Tổ dân phố S, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà **Hà Thị H**, sinh năm 1968; Địa chỉ: Tổ dân phố S, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

+ Ông **Lò Văn O**, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện Y, tỉnh Yên Bái; “Vắng mặt có lý do”.

+ Bà **Hoàng Thị Thứ**, sinh năm 1942; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình; “Vắng mặt có lý do”.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu ngày 10/11/2020 và bản tự khai ngày 16/11/2020, chị Lò Thị L trình bày:

Theo giấy khai sinh do UBND xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái cấp, Lò Thị L có bố đẻ là Lò Văn O và mẹ đẻ là Hà Thị H. Ngày 13/5/2020 bà Hà Thị H nói cho L biết thì bố đẻ của L là ông nguyên Hồng S, trú tại Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

Ông Nguyễn Hồng S mắc bệnh hiểm nghèo đã chết năm 2004. Chị Lò Thị L đã cùng mẹ đẻ của Nguyễn Hồng S là bà Hoàng Thị T đi xét Nghiệm AND kết luận giám định bà Hoàng Thị T và chị Lò Thị L có quan hệ huyết thống.

Chị Lò Thị L đề nghị Tòa án nhân dân huyện V công nhận chị Lò Thị L là con ông Nguyễn Hồng S sinh năm 1976 chết ngày 29/12/2004 nơi chết xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

Bà Hà Thị H trình bày năm 1996 bà Hằng đi là thuê tại tỉnh Sơn La quen biết quan hệ có thai với ông Nguyễn Hồng Sơn. Sau đó bà H về xã Sơn Thịnh sinh sống, khi sinh con, bà H làm giấy khai sinh được ông Lò Văn O đồng ý ghi là cha đẻ trong giấy khai sinh. Thực tế Lò Thị L là con đẻ của ông Nguyễn Hồng S, sinh năm 1976 cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn O trình bày: Năm 1987 ông On lấy bà Hà Thị H không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, năm 1994 ông On vi phạm pháp luật phải đi thi hành án phạt tù. Trong thời gian ông O đi thi hành án, chị Hằng có con với người khác, khi khai sinh cho con, được ông O đồng ý nên bà Hằng ghi tên cha là Lò Văn O trong giấy khai sinh. Nay cháu L đã tìm được cha đẻ, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của cháu L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T có văn bản trình bày ý kiến: Bà Thứ là mẹ đẻ của ông Nguyễn Hồng S, sinh năm 1976; cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Tháng 12/2004 Nguyễn Hồng S chết, trước khi chết nói với gia đình nội dung ông S có một người con gái với chị Hà Thị H, gia đình đã liên lạc, đưa đi xét nghiệm AND cháu L và bà T, sau khi xét nghiệm gia đình đã lập biên bản họp gia đình nhất trí nhận cháu L vào dòng họ Nguyễn. Đề Nghị Tòa án nhân dân huyện V công nhận ông Nguyễn Hồng S là cha đẻ cháu Lò Thị L.

Tại phiên họp chị Lò Thị L giữ nguyên yêu cầu không bổ sung ý kiến gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Chị Lò Thị L là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự có quyền yêu cầu xác định cha cho con, Chị L có địa chỉ cư trú tại Tổ dân phố S, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái nên Tòa án huyện V, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 10 Điều 29, điểm t khoản 2 Điều 39, Điều 361 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ kết quả phân tích AND và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ việc dân sự, đề nghị Tòa án căn cứ Điều 92, Điều 101, 102 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị L. Công nhận ông Nguyễn Hồng S, sinh năm 1976 chết ngày 29/12/2004 nơi chết xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình Là cha đẻ của chị Lò Thị L, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1997;

Chị Lò Thị L phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện V nhận định:

[1] Chị Lò Thị L, sinh năm 1997, cư trú tại Tổ dân phố S, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái; có đơn yêu cầu xác định cha cho con thuộc thẩm quyền giải quyết việc dân sự của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái theo quy định khoản 10 Điều 29, điểm t khoản 2 Điều 39, Điều 361 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 92, Điều 101, 102 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Chị Lò Thị L yêu cầu Tòa án công nhận ông Nguyễn Hồng S là cha đẻ của chị L phù hợp với lời khai của bà Hà Thị H là mẹ đẻ của chị L, ông Lò Văn O là người đứng tên trong giấy khai sinh của chị L, phù hợp với lời khai của bà Hoàng Thị T là mẹ đẻ của ông Nguyễn Hồng Sơn, bà T xác nhận ông Nguyễn Hồng S trước khi chết nói với gia đình nội dung ông Sơn có một người con gái với chị Hà Thị H, cư trú tại xã Sơn Thịnh, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Ngoài ra, tại thông báo kết quả phân tích AND số 449IG/20/ADN ngày 20/5/2020 của Công ty TNHH đầu tư và công nghệ GENPLUS thu thập, giám định từ mẫu của bà Hoàng Thị T và chị Lò Thị L kết luận: Người có mẫu ghi tên Hoàng Thị T có quan hệ huyết thống theo dòng X với người có mẫu ghi tên Lò Thị L. Do đó, việc chị Lò Thị L yêu cầu là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về lệ phí sơ thẩm: Chị Lò Thị L yêu cầu giải quyết việc dân sự phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 10 Điều 29, điểm t khoản 2 Điều 39, Điều 361 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 92, Điều 101, 102 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Lò Thị L về yêu cầu giải quyết việc dân sự xác định cha cho con.

Công nhận ông Nguyễn Hồng S, sinh năm 1976 chết ngày 29/12/2004 nơi chết xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình là cha đẻ của chị Lò Thị L, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1997;

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Lò Thị L phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng theo biên lai số

AA/2020/0004346 ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Chị L đã nộp đủ tiền lệ phí.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Lò Thị L, bà Hà Thị H có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Bà Hoàng Thị T và ông Lò Văn O có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc quyết định giải quyết việc dân sự được niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã S, huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Thành Long

1. Phiên họp giải quyết việc dân sự được tiến hành theo trình tự sau đây:

- a) Thư ký phiên họp báo cáo Thẩm phán, Hội đồng giải quyết việc dân sự về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên họp;
- b) Thẩm phán chủ tọa phiên họp khai mạc phiên họp, kiểm tra về sự có mặt, vắng mặt của những người được triệu tập tham gia phiên họp và căn cước của họ, giải thích quyền và nghĩa vụ của người tham gia phiên họp;
- c) Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu, người yêu cầu hoặc người đại diện hợp pháp của họ trình bày về những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết, lý do, mục đích và căn cứ của việc yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự đó;
- d) Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của họ trình bày ý kiến về những vấn đề có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong việc giải quyết việc dân sự;
- đ) Người làm chứng trình bày ý kiến; người giám định trình bày kết luận giám định, giải thích những vấn đề còn chưa rõ hoặc có mâu thuẫn (nếu có);
- e) Thẩm phán, Hội đồng giải quyết việc dân sự xem xét tài liệu, chứng cứ;
- g) Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết việc dân sự và gửi văn bản phát biểu ý kiến cho Tòa án để lưu vào hồ sơ việc dân sự ngay sau khi kết thúc phiên họp;
- h) Thẩm phán, Hội đồng giải quyết việc dân sự xem xét, quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự.

2. Trường hợp có người được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp vắng mặt thì Thẩm phán, Hội đồng giải quyết việc dân sự cho công bố lời khai, tài liệu, chứng cứ do người đó cung cấp trước khi xem xét tài liệu, chứng cứ.